

Bản án số: 143/2018/DS-PT  
Ngày 02-8-2018  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Huỳnh

**Ông Nguyễn Văn Trường**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:*** Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2018/DS-ST ngày 27/4/2018 của TAND thị xã C, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Phước Minh Q, sinh năm 1980; trú tại: 37/426 đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thiện M, sinh năm 1964; trú tại: 20B khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1982; địa chỉ: 05 Nguyễn Văn T, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/6/2017). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; hộ khẩu thường trú: 75 Huỳnh Đình H, Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 21B/17 khu phố A, phường B thị xã C, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Thiện M.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Phước Minh Q trình bày: Do có quan hệ quen biết nên ông Đặng Phước Minh Q có cho ông Nguyễn Thiện M vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 600.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 10/10/2016 cho ông M vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi suất; ngày 01/12/2016 cho ông M vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi suất và ngày 12/01/2017 cho ông M vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi suất. Việc vay mượn tiền có lập thành văn bản thể hiện tại các “Giấy mượn tiền” ngày 10/10/2016, ngày 01/12/2016 và ngày 12/01/2017 giữa bên mượn tiền là ông Nguyễn Thiện M và bên cho mượn tiền là ông Đặng Phước Minh Q. Ngoài ra ngày 10/10/2016, ông Q và ông M có làm “giấy chứng nhận QSDĐ và cam kết” với nội dung là ông M giao cho ông Q giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 288910, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08428 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thiện M ngày 13/7/2016 để bảo đảm khoản vay ngày 10/10/2016 nên nguyên đơn hiện đang giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Thiện M. Sau khi vay ông M không trả cho ông Q bất kỳ khoản tiền nào theo như thỏa thuận trong các giấy mượn tiền, ông Q đã nhiều lần nhắc nhở ông M nhưng ông M không trả nợ. Nay nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Thiện M phải thanh toán số tiền nợ gốc là 600.000.00 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thiện M về việc buộc ông Q trả cho ông M 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 288910, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08428 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thiện M ngày 13/7/2016. Quá trình tố tụng tại Tòa án ông Q đồng ý theo yêu cầu phản tố của bị đơn về việc trả lại cho bị đơn 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi ý kiến không đồng ý trả lại cho ông M 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vì đây là tài sản đảm bảo cho khoản vay 300.000.000 đồng ngày 10/10/2016, không yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, khi nào ông Q thanh toán hết tiền nợ thì ông Q sẽ trả lại cho ông M giấy tờ nêu trên.

Bị đơn ông Nguyễn Thiện M có đơn phản tố. Theo bản tự khai, lời trình bày tại đơn phản tố, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp ông Lê Văn N trình bày như sau: Ông Nguyễn Thiện M và bà Nguyễn Thị H có

quan hệ tình cảm với nhau, bà H có gặp khó khăn trong công việc làm ăn nên có nhờ ông M đứng ra vay của ông Đặng Phước Minh Q số tiền 600.000.000 đồng, chia làm 03 lần, cụ thể: Vào các ngày 10/10/2016, ngày 01/12/2016 và ngày 12/01/2017. Ngày 10/10/2016 vay số tiền 300.000.000 đồng thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi suất; ngày 01/12/2016 vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi và ngày 12/01/2017 vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi, mục đích vay là để bà H có vốn kinh doanh. Việc vay mượn tiền có lập thành văn bản là các giấy mượn tiền có ghi nội dung: Bên A (bên mượn tiền) là ông Nguyễn Thiện M, bên B (bên cho mượn tiền) là ông Đặng Phước Minh Q và bên C (người bảo lãnh) là bà Nguyễn Thị H, ông M thừa nhận có ký tên lẫn tay vào các giấy mượn tiền trên. Ngày 10/10/2016, ông M và ông Q có làm “giấy chứng nhận QSDĐ và cam kết” với nội dung là giao cho ông Q giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 288910, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08428 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thiện M ngày 13/7/2016 để bảo đảm khoản vay 300.000.000 đồng ngày 10/10/2016. Tuy nhiên ông M xác định bà Nguyễn Thị H mới là người vay tiền và cũng là người nhận tiền của ông Q, do bà H không có tài sản thế chấp nên mới nhờ ông M đứng ra vay tiền của ông Q giùm bà H, mặc dù trong các giấy mượn tiền ông M là người ký tên lẫn tay của người vay nhưng thực tế là do sự thiếu hiểu biết của ông M, bà H nên đứng ra người ký tên lẫn tay bên người vay là bà H, ông M là người bảo lãnh vì ông M là người có tài sản thế chấp và là người vay. Việc vay tiền giữa ông Q và bà H có thỏa thuận lãi suất là 07%/tháng và hàng tháng bà H là người trực tiếp trả tiền lãi cho ông Q, ông M không nhận bất kỳ số tiền nào từ ông Q. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông M trả số tiền nợ 600.000.000 đồng thì ông M không đồng ý vì thực tế ông M chỉ đứng ra vay giùm cho bà Nguyễn Thị H, ông M không sử dụng số tiền vay nêu trên.

Ông M giữ nguyên yêu cầu phản tố: Yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 288910, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08428 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thiện M ngày 13/7/2016. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc để cung cấp lời khai, hòa giải và tham gia phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2018/DS-ST ngày 27/4/2018 của TAND thị xã C, tỉnh Bình Dương đã quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Phước Minh Q về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Thiện M. Buộc ông M trả nợ cho ông Q 600.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông M. Buộc ông Q giao trả lại cho ông M bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 288910, số vào sổ cấp giấy chứng nhận

CS08428 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thiện M ngày 13/7/2016. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/5/2018, ông Nguyễn Thiện M là bị đơn có đơn kháng cáo. Nội dung cho rằng: Án sơ thẩm xử buộc ông trả nợ cho ông Q 600.000.000 đồng là không đúng pháp luật và yêu cầu xét xử lại phúc thẩm, sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và sự thỏa thuận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Phước Minh Q và ông Nguyễn Thiện M đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Ông Nguyễn Thiện M đồng ý trả nợ cho ông Đặng Phước Minh Q 600.000.000 đồng. Ông Nguyễn Thiện M đã trả trước 400.000.000 đồng tại phiên tòa phúc thẩm. Ông Đặng Phước Minh Q đã nhận đủ 400.000.000 đồng. Ông Đặng Phước Minh Q đã giao lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thiện M ngày 13/7/2016 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS08428. Ông Nguyễn Thiện M đã nhận lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thiện M ngày 13/7/2016 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS08428. Số tiền còn lại 200.000.000 đồng, ông Nguyễn Thiện M cam kết sẽ trả đủ 200.000.000 đồng cho ông Đặng Phước Minh Q vào ngày 02/9/2018. Án phí sơ thẩm: Ông Đặng Phước Minh Q nộp 5.000.000 đồng, được khấu trừ vào 14.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015224 ngày 10/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C hoàn lại cho ông Q 9.000.000 đồng. Ông Nguyễn Thiện M nộp 5.000.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017873 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Ông M còn phải nộp tiếp 4.700.000 đồng. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thiện M phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023495 ngày 18/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

[2] Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều: 147, 300, khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 26, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Sửa Bản án sơ thẩm số: 28/2018/DS-ST ngày 27/4/2018 của TAND thị xã C, tỉnh Bình Dương. Công nhận sự thỏa thuận của ông Đặng Phước Minh Q và ông Nguyễn Thiện M như sau: Ông Nguyễn Thiện M đồng ý trả nợ cho ông Đặng Phước Minh Q 600.000.000 đồng. Ông Nguyễn Thiện M đã trả trước 400.000.000 đồng tại phiên tòa phúc thẩm. Ông Đặng Phước Minh Q đã nhận đủ 400.000.000 đồng. Ông Đặng Phước Minh Q đã giao lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thiện M ngày 13/7/2016 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS08428. Ông Nguyễn Thiện M đã nhận lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thiện M ngày 13/7/2016 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS08428. Số tiền còn lại 200.000.000 đồng, ông Nguyễn Thiện M cam kết sẽ trả đủ 200.000.000 đồng cho ông Đặng Phước Minh Q vào ngày 02/9/2018.

Án phí sơ thẩm: Ông Đặng Phước Minh Q nộp 5.000.000 đồng, được khấu trừ vào 14.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015224 ngày 10/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C hoàn lại cho ông Q 9.000.000 đồng. Ông Nguyễn Thiện M nộp 5.000.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017873 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Ông M còn phải nộp tiếp 4.700.000 đồng.

Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thiện M phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0023495 ngày 18/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (02/8/2018)./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã C;
- TAND thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thành Trung**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Huỳnh**

**Nguyễn Văn Trường**

**Nguyễn Thành Trung**